

**CÔNG TY CP DỊCH VỤ QUỐC TẾ ALPHA**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CP DỊCH VỤ QUỐC TẾ ALPHA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: ALPHA international services joint stock company

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109672313

**3. Ngày thành lập:** 16/06/2021

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

SC12, KĐT Chức năng FLC Đại Mỗ, Phường Đại Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0914396123

Fax:

Email: *Nguyenducthanh208@gmail.com* Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Mã ngành |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác<br>Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế<br>Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh<br>Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh<br>Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện<br>Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự<br>Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm<br>Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao<br>Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu | 4649     |
| 2.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4651     |
| 3.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông<br>Chi tiết: Bán buôn thiết bị điện thoại và truyền thông;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4652     |
| 4.  | Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ<br>Chi tiết: Bán lẻ mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh lưu động hoặc tại chợ ( trừ hoạt động đầu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4789     |
| 5.  | Cho thuê xe có động cơ<br>Chi tiết: Cho thuê ô tô, cho thuê xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 7710     |
| 6.  | Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 7721     |
| 7.  | Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm<br>Chi tiết: Hoạt động của các đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 7810     |
| 8.  | Cung ứng và quản lý nguồn lao động<br>Chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 7830     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |             |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 9.  | Đại lý du lịch                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 7911        |
| 10. | Điều hành tua du lịch                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 7912        |
| 11. | Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 7990        |
| 12. | Đào tạo sơ cấp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 8531        |
| 13. | Đào tạo trung cấp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 8532        |
| 14. | Đào tạo cao đẳng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 8533        |
| 15. | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 8559        |
| 16. | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục<br>Chi tiết: + Tư vấn du học<br>+ Tư vấn giáo dục<br>+ Dịch vụ đưa ra ý kiến hướng dẫn về giáo dục<br>+ Tổ chức các chương trình trao đổi sinh viên                                                                                                                                                                                                            | 8560(Chính) |
| 17. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: + Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh                                                                                                                                                                                                                                                  | 8299        |
| 18. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Nhóm này gồm: Bán lẻ chuyên doanh các mặt hàng thiết bị viễn thông như:<br>- Điện thoại cố định, điện thoại di động, máy fax, thiết bị viễn thông khác: sim, card điện thoại, nạp tiền điện thoại... | 4741        |
| 19. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ thuốc<br>Bán lẻ dụng cụ y tế trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                               | 4772        |
| 20. | Cung ứng lao động tạm thời                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 7820        |

**6. Vốn điều lệ:** 5.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 500.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông            | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | NGUYỄN THỊ<br>KIỀU LAN | Thôn 6, Xã Bình<br>An, Huyện Lộc<br>Hà, Tỉnh Hà Tĩnh,<br>Việt Nam                  | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 25.000        | 250.000.000              | 5,000        | 183905605                                                                                                              |            |
|     |                        |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                        |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                        |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                        |                                                                                    | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                        |                                                                                    | Tổng số                            | 25.000        | 250.000.000              | 5,000        |                                                                                                                        |            |
| 2   | NGUYỄN<br>ĐỨC THÀNH    | Thôn 6, Xã Bình<br>An, Huyện Lộc<br>Hà, Tỉnh Hà Tĩnh,<br>Việt Nam                  | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 450.000       | 4.500.000.000            | 90,000       | 184208686                                                                                                              |            |
|     |                        |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                        |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                        |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                        |                                                                                    | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                        |                                                                                    | Tổng số                            | 450.000       | 4.500.000.000            | 90,000       |                                                                                                                        |            |

|   |                 |                                                           |                           |        |             |       |           |  |
|---|-----------------|-----------------------------------------------------------|---------------------------|--------|-------------|-------|-----------|--|
| 3 | VÕ THỊ THU HẰNG | Thôn 3, Xã Thạch Mỹ, Huyện Lộc Hà, Tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 25.000 | 250.000.000 | 5,000 | 184341253 |  |
|   |                 |                                                           | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000 |           |  |
|   |                 |                                                           | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000 |           |  |
|   |                 |                                                           | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000 |           |  |
|   |                 |                                                           | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000 |           |  |
|   |                 |                                                           | Tổng số                   | 25.000 | 250.000.000 | 5,000 |           |  |
|   |                 |                                                           |                           |        |             |       |           |  |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |             |                                                                      |              |            |                                                                         |           |                                                                                                               |         |

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN ĐỨC THÀNH

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 23/07/1996

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 184208686

Ngày cấp: 06/08/2012 Nơi cấp: CA Hà Tĩnh

Địa chỉ thường trú: Thôn 6, Xã Bình An, Huyện Lộc Hà, Tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn 6, Xã Bình An, Huyện Lộc Hà, Tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội